TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày: 31-10- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiến và ông Vũ Kim Quy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà HĐơk Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo:

- Họ và tên: Trịnh Ngọc Đ, sinh ngày: 03/7/1988 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 08/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trịnh Ngọc Á, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị Xuân D, sinh năm 1964. Bị cáo có vợ Lê Thị Hoài P, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2011.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 12/9/2003 bị Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng do hành vi trộm cắp tài sản, ngày 28/6/2005 chấp hành xong quyết định.

Bị bắt tạm giam từ ngày 31/7/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Phan Thị Vân A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Ngô Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

+ Bà Phan Thị S, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Anh Phan Thanh T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trịnh Ngọc Đ và chị Phan Thị Vân A, trú tại thôn D, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Vào chiều ngày 22/8/2019, Trịnh Ngọc Đ đi từ thành phố B đến nhà chị A ở xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk chơi. Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 25/8/2019, chị Vân A điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 47L1-265.80, nhãn hiệu HONDA-LEAD, màu sơn đen, đi mua bột sữa cho con. Lúc này, Đ đang ở nhà chị A. Sau đó giữa chị A và Đ xảy ra mâu thuẫn. Đ đi ra điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 47L1-265.80 của chị A ra ngoài. Thấy vậy, chị A hỏi Đ *"Anh đi đâu đó?",* bị cáo Đ nói *"Anh chạy qua nhà anh H xíu, chút nữa anh về",* rồi Đ điều khiển xe mô tô đi theo hướng ra thị trấn B, huyện K. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, không thấy Đ đem xe về nên chị A gọi điện thoại cho Đ (theo số thuê bao 0373437137 Đ sử dụng) thì Đ trả lời *"Chờ anh xíu, anh về liền"* nhưng sau đó, Đ không đi về nhà chị Phan Thị Vân A mà điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 47L1-265.80 vào quán cà phê tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để uống cà phê. Sau đó, Đ mở cốp xe mô tô thì thấy giấy chứng minh nhân dân bản gốc, giấy mua bán xe máy (bản gốc) đều đứng tên chị Phan Thị Vân A. Thấy vậy, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, chơi game. Đ điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 47L1-265.80 đến của hàng cầm đồ gần khu vực hoa viên thị trấn B, huyện K (Đ không nhớ tên cửa hiệu cầm đồ, người nhận cầm đồ và địa chỉ cụ thể). Tại đây, Đ cầm cố chiếc xe môt tô này với số tiền 17.000.000 đồng. Sau khi cầm cố chiếc xe mô tô, Đ bắt xe buýt lên thành phố B. Đ đã sử dụng toàn bộ số tiền đã cầm cố được vào việc chơi game, nạp thẻ game và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, chị Vân A nhiều lần gọi điện thoại cho Đ, nhưng Đ không nghe máy, đồng thời Đ thay đổi số điện thoại, cắt đứt liên lạc với chị A và bỏ đi làm thuê ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 04/3/2020, chị A đã viết đơn tố cáo Trịnh Ngọc Đ gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 25/KLĐG ngày 01/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại xe LEAD, màu sơn đen, biển kiểm soát 47L1-265.80, xe mua vào năm 2018, trị giá 23.000.000 đồng.

Cáo trạng số: 32/CT-VKS ngày 03/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố bị cáo Trịnh Ngọc Đ về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc Đ phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm h, i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Ngọc Đại T1 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA-LEAD, mang biển kiểm soát 47L1-265.80, màu sơn đen bị cáo Trịnh Ngọc Đ đã chiếm đoạt đem cầm cố vào ngày 25/8/2019. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm để thu giữ nhưng không có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phan Thị Vân A yêu cầu bị cáo trả lại toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt và bồi thường thiệt hại.

Căn cứ Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự 2015, buộc bị cáo Trịnh Ngọc Đ phải bồi thường số tiền 23.000.000 đồng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt cho bị hại chị Phan Thị Vân A.

Ngoài ra, chị Phan Thị Vân A còn khai trong cốp xe mô tô mang biển kiểm soát 47L1-265.80 mà Đ đã lấy đi vào ngày 25/8/2019 còn có số tiền 20.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành nhiều biện pháp điều tra như ghi lời khai, truy tìm vật chứng, đối chất…nhưng do thời gian đã lâu, chưa truy tìm được xe mô tô là vật chứng vụ án, không xác định được cửa hiệu cầm đồ mà Trịnh Ngọc Đ đã cầm cố tài sản. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường luật pháp và vì động cơ vụ lợi cá nhân, vào sáng ngày 25/8/2019, tại nhà chị Phan Thị Vân A, ở thôn D, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Trịnh Ngọc Đ đã mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA-LEAD, mang biển kiểm soát 47L1-265.80 của chị Vân A. Sau đó, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe, đem cầm cố lấy tiền để tiêu xài, tài sản chiếm đoạt có trị giá 23.000.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bình thường về thể lực, trí lực, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố bị cáo về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;...

[4] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện K, bị cáo là người có khả năng nhận thức, buộc phải biết tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật sẽ bị nghiêm trị, nhưng xuất phát từ động cơ tham lam, tư lợi mà bị cáo đã cố ý phạm tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA-LEAD, mang biển kiểm soát 47L1-265.80 của chị Vân A mà bị cáo chiếm đoạt, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã truy tìm nhưng không có kết quả nên không đề cập xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 BLHS, các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu của người bị hại, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Phan Thị Vân A số tiền 23.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị Vân A khai trong cốp xe mô tô 47L1-265.80 mà Đ đã lấy đi vào ngày 25/8/2019 còn có số tiền 20.000.000 đồng. Quá trình

điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành nhiều biện pháp điều tra như ghi lời khai, truy tìm vật chứng, đối chất…nhưng do thời gian đã lâu, chưa truy tìm được xe mô tô là vật chứng vụ án, không xác định được cửa hiệu cầm đồ mà Trịnh Ngọc Đ đã cầm cố tài sản, nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Ngọc Đ phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175, các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Ngọc Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giam ngày 31/7/2024.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trịnh Ngọc Đ phải bồi thường thiệt hại cho chị Phan Thị Vân A số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trịnh Ngọc Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm 1.150.000 đồng (*Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh; TANDTC;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện; tỉnh;
- CA huyện;
- THAHS; THADS;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Tuyên